



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

SCIC Chi nhánh phía Nam

ĐẾN 125/03/2022

Số CV đến 262

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị Ngành In (sau đây gọi tắt là "Công ty")
hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài
chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị Ngành In là công ty cổ phần (được chuyển đổi
loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), hoạt động theo Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp số 0301465129 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2010 và đăng ký
thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí
Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và 01/01/2021 là 23.500.000.000 VND. Chủ
sở hữu Công ty là Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Long Hoàng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là
bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu
vật tư, thiết bị ngành in và hàng thủ công mỹ nghệ).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho, văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Hà	Chủ tịch

Ban Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Hà	Giám đốc
Ông Trần Vĩnh Phong	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2021 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Bùi Thị Hà	Việt Nam	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu
phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công
ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố báo cáo tài chính

Tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÙI THỊ HÀ
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 359/2022/BCKT-HCM.01285

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị Ngành In, (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022, từ trang 5 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị Ngành In tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22 tháng 03 năm 2021.



ĐẶNG THỊ MY VÂN
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0173-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022


PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1

95-
TY
1
ÁN
NA
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.621.280.280	4.659.040.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	596.909.891	553.604.347
1. Tiền	111		596.909.891	553.604.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.008.006.753	4.105.436.138
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.559.047.980	130.051.760
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	354.134.400	343.634.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.094.824.373	3.610.670.574
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	21.079.404
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.363.636	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	16.363.636	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.082.769.043	8.649.733.519
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.077.538.736	6.942.598.862
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	6.077.538.736	6.942.598.862
- Nguyên giá	222		24.985.263.033	24.985.263.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.907.724.297)	(18.042.664.171)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.230.307	1.707.134.657
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	5.230.307	1.707.134.657
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		13.704.049.323	13.308.774.004

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

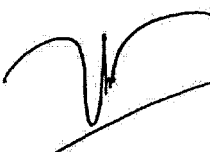
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.131.843.233	882.356.182
I. Nợ ngắn hạn	310		1.131.843.233	882.356.182
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	-	2.449.800
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	232.600.515	175.954.813
4. Phải trả người lao động	314		18.747.608	25.067.161
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.9	-	73.939.863
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	880.495.110	604.944.545
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.572.206.090	12.426.417.822
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	12.572.206.090	12.426.417.822
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.500.000.000	23.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.927.793.910)	(11.073.582.178)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		(11.073.582.178)	(11.263.840.374)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		145.788.268	190.258.196
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.704.049.323	13.308.774.004


PHAN THỊ THU TÂM
Người lập biểu


HOÀNG THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng




BÙI THỊ HÀ
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

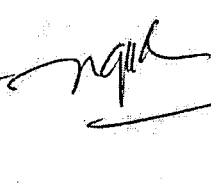
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.354.710.905	18.051.647.571
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.972.231	34.875.818
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	7.340.738.674	18.016.771.753
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.485.464.417	14.336.900.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.855.274.257	3.679.871.085
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	139.284	3.516.783
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	865.060.126	1.125.762.565
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.680.813.589	3.009.662.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		309.539.826	(452.037.424)
11. Thu nhập khác	31	6.6	25.417.166	1.551.761.050
12. Chi phí khác	32	6.7	189.168.724	909.465.430
13. Lợi nhuận khác	40		(163.751.558)	642.295.620
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		145.788.268	190.258.196
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		145.788.268	190.258.196



PHAN THỊ THU TÂM
Người lập biểu



HOÀNG THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng



BÙI THỊ HÀ
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	145.788.268	190.258.196
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	865.060.126	1.125.762.565
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	-
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(139.284)	(664.627.839)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước			
thay đổi vốn lưu động	08	1.010.709.110	651.392.922
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.902.570.615)	(2.769.485.416)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	2.698.466.674
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi	11	249.487.051	(539.968.092)
vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.685.540.714	(1.610.589.734)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh			
doanh	20	43.166.260	(1.570.183.646)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố	21	-	-
định và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22	-	1.550.000.000
các tài sản dài hạn khác			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	23	-	48.000.000
đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
của đơn vị khác			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	139.284	3.516.783
chía			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	139.284	1.601.516.783
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
của chủ sở hữu			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua	32	-	-
lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

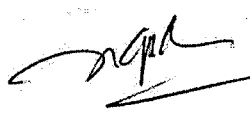
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	43.305.544	31.333.137
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	553.604.347	522.271.210
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	596.909.891	553.604.347



PHAN THỊ THU TÂM
Người lập biểu



HOÀNG THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng



BÙI THỊ HÀ
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

12/3
+ T
H
O
A
I
N
30

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị Ngành In (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần (chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301465129 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và 01/01/2021 là 23.500.000.000 VND. Chủ sở hữu Công ty là Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Long Hoàng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành in và hàng thủ công mỹ nghệ).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho, văn phòng.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 2 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (gọi tắt là "Thông tư số 200/2014/TT-BTC"), Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các giao dịch phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ; chi phí trả trước khác

Các công cụ, dụng cụ; chi phí trả trước khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.9 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% (trước ngày 01/07/2021), 17% (sau ngày 01/07/2021) và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% (trước ngày 01/10/2021), 0% (sau ngày 01/10/2021) và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

4.10 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu và sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Long Hoàng	Việt Nam	Chủ đầu tư
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	555.801.728	292.510.564
Tiền gửi ngân hàng	41.108.163	261.093.783
	<u>596.909.891</u>	<u>553.604.347</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu các khách hàng khác		-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đại Minh Sơn	3.943.849.800	
Các khách hàng khác	615.198.180	130.051.760
	<u>4.559.047.980</u>	<u>130.051.760</u>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước người bán khác		
Công ty MinDo (*)	343.634.400	343.634.400
Các nhà cung cấp khác	10.500.000	-
	<u>354.134.400</u>	<u>343.634.400</u>

(*) Ban Giám đốc Công ty xác định khoản tiền trả trước này sẽ tiến hành xử lý trong năm 2022.

5.4 Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021		01/01/2021
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan			
Tạm ứng Bùi Thị Hà	1.128.000.000	-	2.628.000.000 -
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác			
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	29.000.000	-	29.000.000 -
Tiền truy thu thuế đất năm 2016 - 2017	937.392.574	-	937.392.574 -
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	431.799	-	16.278.000 -
	<u>2.094.824.373</u>	<u>-</u>	<u>3.610.670.574 -</u>

5.5 Chi phí trả trước

5.5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	16.363.636	-
	<u>16.363.636</u>	<u>-</u>

5.5.2 Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	5.230.307	71.894.990
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	1.635.239.667
	<u>5.230.307</u>	<u>1.707.134.657</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.6 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2021	24.378.098.544	80.690.000	526.474.489	24.985.263.033
Mua trong năm	-	-	-	-
Tại 31/12/2021	<u>24.378.098.544</u>	<u>80.690.000</u>	<u>526.474.489</u>	<u>24.985.263.033</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2021	17.570.804.383	64.551.984	407.307.804	18.042.664.171
Khấu hao trong năm	826.922.114	16.138.016	21.999.996	865.060.126
Tại 31/12/2021	<u>18.397.726.497</u>	<u>80.690.000</u>	<u>429.307.800</u>	<u>18.907.724.297</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2021	6.807.294.161	16.138.016	119.166.685	6.942.598.862
Tại 31/12/2021	<u>5.980.372.047</u>	<u>-</u>	<u>97.166.689</u>	<u>6.077.538.736</u>
Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:				
Tại 01/01/2021	16.767.999	-	-	16.767.999
Tại 31/12/2021	<u>16.767.999</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.767.999</u>

5.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Johns Ricckemann	-	2.449.800
	<u>-</u>	<u>2.449.800</u>

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 Phải nộp	Số phát sinh trong năm			31/12/2021 Phải nộp
		Số phải nộp	Số đã nộp	Chuyển khấu trừ	
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	175.584.426	726.756.908	(667.683.795)	(68.453.202)	166.204.337
Thuế thu nhập cá nhân	370.387	1.373.508	(1.400.517)	-	343.378
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.485.464.417	(3.419.411.617)	-	66.052.800
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	175.954.813	4.217.594.833	(4.092.495.929)	(68.453.202)	232.600.515

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.788.267	190.258.196
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	189.167.740	12.732.597
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	334.956.007	202.990.793
Lỗ các năm trước được chuyển	(334.956.007)	(202.990.793)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

5.9 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	-	73.939.863
Doanh thu cho thuê tòa nhà	-	73.939.863

5.10 Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tiền mượn Bùi Thị Hà	450.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	14.325.213
Kính phí công đoàn	7.400.000	7.400.000
Bảo hiểm xã hội	-	3.041.564
Bảo hiểm y tế	-	537.298
Phải trả về cổ phần hóa	-	244.686.806
Bảo hiểm thất nghiệp	-	238.554
Phải trả, phải nộp khác (ngắn hạn)	1.875.110	1.875.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	421.220.000	332.840.000
	880.495.110	604.944.545

5.11 Vốn chủ sở hữu

5.11.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2020	23.500.000.000	(11.263.840.374)	12.236.159.626
Lãi trong năm	-	190.258.196	190.258.196
Số dư tại 31/12/2020	23.500.000.000	(11.073.582.178)	12.426.417.822
Số dư tại 01/01/2021	23.500.000.000	(11.073.582.178)	12.426.417.822
Lãi trong năm	-	145.788.268	145.788.268
Số dư tại 31/12/2021	23.500.000.000	(10.927.793.910)	12.572.206.090

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ NGÀNH IN
Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5.11.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 23.500.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp 31/12/2021		Vốn đã góp 01/01/2021	
	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Long Hoàng	15.627.500.000	66,50	15.627.500.000	66,50
Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch	7.632.800.000	32,48	7.632.800.000	32,48
Bà Bùi Thị Hà	239.700.000	1,02	239.700.000	1,02
	23.500.000.000	100,00	23.500.000.000	100,00

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	13.520.366.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.354.710.905	4.531.280.607
Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.972.231)	(34.875.818)
	7.340.738.674	18.016.771.753

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	14.336.900.668
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.485.464.417	-
	3.485.464.417	14.336.900.668

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	139.284	262.213
Lãi thu được từ cho vay	-	3.254.570
	139.284	3.516.783

6.4 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	865.060.126	1.125.762.565
	865.060.126	1.125.762.565

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	300.043.054	787.481.805
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	14.310.485
Chi phí thuê đất	-	1.035.275.616
Chi phí dịch vụ	2.327.847.247	974.001.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	48.923.288	198.593.549
	2.680.813.589	3.009.662.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	1.550.000.000
Thu nhập khác	25.417.166	1.761.050
	<u>25.417.166</u>	<u>1.551.761.050</u>

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	888.888.944
Tiền phạt	151.810.336	12.732.599
Chi phí khác	37.358.388	7.843.887
	<u>189.168.724</u>	<u>909.465.430</u>

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	300.043.054	787.481.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	865.060.126	1.125.762.565
Chi phí dịch vụ	2.327.847.247	974.001.272
Chi phí khác	52.923.288	1.248.179.650
	<u>3.545.873.716</u>	<u>4.135.425.292</u>

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2021 VND
Lương, thưởng Ban Giám đốc	178.359.288

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Bà Bùi Thị Hà		
Phải thu khác	1.128.000.000	2.628.000.000
Phải trả khác	450.000.000	-

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2021) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

PHAN THỊ THU TÂM
Người lập biểu

HOÀNG THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng

BÙI THỊ HÀ
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

